

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 138/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Ba Tư đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của UBND huyện Ba Tư tại Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 31/3/2011 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 212/SKHĐT ngày 18/4/2011 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ba Tư giai đoạn 2011-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ba Tư đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Khai thác mọi nguồn lực của huyện kết hợp với sự hỗ trợ và đầu tư của Trung ương và của tỉnh, thu hút đầu tư từ bên ngoài để đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, theo các bước đi thích hợp, chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, trước hết ưu tiên đối với các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm xã, các điểm giao lưu hàng hóa, đồng thời quan tâm đối với khu vực miền núi.

3. Phát triển kinh tế gắn kết với phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo việc làm cho người lao động, nâng cao mức sống và trình độ dân trí cho các tầng lớp dân cư.

4. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phòng tránh thiên tai và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

5. Phát triển kinh tế gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Ba Tơ trở thành huyện có kinh tế phát triển khá, một số mặt đạt mức trung bình so với toàn tỉnh, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được nâng cao, mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ngày càng đồng bộ, môi trường được bảo vệ, quốc phòng, an ninh được tăng cường.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế theo GTSX (giá so sánh 1994) đạt 17%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 18%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

- Cơ cấu kinh tế huyện theo GTSX với tỷ trọng của ba khu vực nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ đến năm 2015 là 49% - 23,6% - 27,4%, năm 2020 là 34,3% - 30,6% - 35,1%.

- GTSX bình quân đầu người tính theo giá hiện hành đạt 18 triệu đồng vào năm 2015; khoảng 50 triệu đồng vào năm 2020.

- Vốn đầu tư toàn xã hội trên địa huyện tính theo giá thực tế 2,3-2,4 nghìn tỷ đồng thời kỳ 2011-2015 và 4,6-4,7 nghìn tỷ đồng thời kỳ 2016-2020.

b) Về văn hóa - xã hội

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, dự kiến tỷ lệ tăng tự nhiên đến năm 2015 còn 1,0% và đến năm 2020 khoảng 0,9%.

- Giải quyết việc làm bình quân 1.000-1.500 lao động mỗi năm giai đoạn 2011-2015 (trong đó xuất khẩu lao động khoảng 150-200 lao động/năm) và khoảng 1.500-2.000 lao động mỗi năm giai đoạn 2016-2020 (trong đó xuất khẩu lao động khoảng 200-300 lao động/năm).

- Phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 20-25% năm 2015 và 30% năm 2020.

- Tiếp tục xây dựng trường chuẩn quốc gia; duy trì công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS. Phân đầu đến năm 2015 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: mầm non 10%, tiểu học 15%, THCS và THPT 10,6%, đến năm 2020 có 25-30% số trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục củng cố, tăng cường cơ sở vật chất cho mạng lưới y tế, đẩy mạnh công tác xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã. Dự kiến đến năm 2015 có 30%, đến năm 2020 có 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đến năm 2015 đảm bảo 100% xã có bác sỹ.

- Phân đầu đến năm 2015 giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn 26%, đến năm 2020 giảm xuống còn khoảng 13-14%.

- Đến năm 2015 tỷ lệ xã có nhà văn hóa đạt 95%, đến năm 2020 đạt 100%.

Phần đầu đến năm 2015 đạt gia đình văn hóa: 85%; thôn, tổ dân phố văn hóa: 80%; cơ quan văn hóa: 90%; đến năm 2020 đạt gia đình văn hóa: 90%; thôn văn hóa: 85%, cơ quan văn hóa: 95%.

- Phần đầu đến năm 2015 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 15% theo chuẩn hiện nay (bình quân giảm mỗi năm từ 2-3%); đến năm 2020 giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 10% theo chuẩn hiện nay (bình quân mỗi năm từ 1-2%).

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã và thông suốt 4 mùa đến năm 2015 đạt 90%, đến năm 2020 đạt 100%.

- Đến năm 2015 có trên 98%; đến năm 2020 có 100% số hộ được sử dụng điện.

- Nâng tỷ lệ đô thị hoá lên 13,7% vào năm 2015 và khoảng 17,4% năm 2020.

- Tập trung xây dựng nông thôn mới, phần đầu số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 15-20% đến năm 2015 và khoảng 50% đến năm 2020.

- Đến năm 2015 phủ sóng phát thanh - truyền hình đạt 100%, tỷ lệ hộ nghe đài và xem truyền hình đạt 98%, đến năm 2020 đạt 100%.

c) Về môi trường

- Giữ vững và củng cố môi trường cảnh quan của các vùng sinh thái đặc thù của huyện, phần đầu nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 69% năm 2015 và trên 77% năm 2020.

- Phần đầu đến năm 2015 thu gom và xử lý 50-60% chất thải rắn, đến năm 2020 thu gom và xử lý 65-70% chất thải rắn, 100% chất thải nguy hại và chất thải y tế.

- Nâng tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh lên 80-90% vào năm 2015 và cơ bản 100% vào năm 2020.

- Đến năm 2015 có 98% và năm 2020 có 100% số gia đình có hố xí hợp vệ sinh.

d) An ninh - quốc phòng

- Giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

- Đến năm 2015 có 50-60% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng an ninh, đến năm 2020 có 70-80% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng an ninh.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông lâm thủy sản

a) Định hướng chung

Phát triển nông, lâm nghiệp huyện làm cơ sở để ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh lương thực, tăng nhanh khối lượng sản phẩm hàng hóa, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, tạo tiền đề để phát triển công nghiệp và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực vẫn giữ vai trò quan trọng, làm bàn đạp để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu cây trồng con vật nuôi trên cơ sở lợi thế về tiềm năng

sẵn có của từng tiểu vùng.

b) Nông nghiệp

** Định hướng chung*

- Phân bố sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển toàn diện, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung (như mía, tiêu, cây ăn quả,...) gắn với công nghiệp chế biến quy mô vừa và nhỏ, đưa chăn nuôi lên thành ngành chính.

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng, ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nâng dần tỷ trọng GTSX ngành chăn nuôi trong tổng GTSX nông nghiệp lên 42% năm 2015 và 45% năm 2020.

- Quản lý, bảo vệ và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, tập trung xây dựng các công trình thủy lợi trọng điểm hoàn chỉnh hệ thống kênh mương nội đồng để đảm bảo đủ nước tưới cho sản xuất ổn định diện tích lúa.

- Phát triển mạnh một số cây nguyên liệu cho công nghiệp, cây ăn quả, cây thực phẩm để tạo các vùng chuyên canh có sản lượng lớn phù hợp với đất đai, khí hậu từng vùng, chú trọng nguyên liệu mía, mỳ.

** Trồng trọt*

- Cây lương thực: Dự kiến đến năm 2015, sản lượng lương thực có hạt đạt 21-22 nghìn tấn và năm 2020 đạt 23-24 nghìn tấn. Phân đầu bình quân đầu người về lương thực có hạt đạt khoảng 400 kg/người đến năm 2015 và giữ vững ở mức trên.

Mở rộng diện tích gieo trồng lúa ở nơi có địa hình dốc nhưng gần nguồn nước có khả năng khai hoang và cải tạo để xây dựng ruộng bậc thang. Dự kiến trong giai đoạn đến năm 2020 diện tích gieo trồng lúa khoảng 4.000-4.200 ha. Đẩy mạnh trồng ngô ở các xã Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vi, dự kiến trong giai đoạn đến năm 2020 diện tích trồng ngô khoảng 400-500 ha.

Mở rộng diện tích trồng mỳ, dự kiến trong giai đoạn đến năm 2020 có khoảng 1.500-1.600 ha. Tận dụng các diện tích phát triển cây khoai lang, bổ sung nguyên liệu cho chế biến và chăn nuôi.

- Cây công nghiệp: Phục hồi và giữ vững diện tích khoảng 1.000-1.100 ha trong giai đoạn đến năm 2020. Hình thành các vùng mía cao sản tập trung ở các xã Ba Dinh, Ba Chùa, Ba Tô, Ba Vi, Ba Tiêu, Ba Ngạc. Tích cực chuyển đổi các loại giống mía có năng suất, chất lượng cao. Phân đầu sản lượng mía đạt khoảng 44-45 nghìn tấn năm 2015 và khoảng 48-50 nghìn tấn năm 2020.

Phân đầu đến năm 2015 diện tích gieo trồng lạc khoảng 360-370 ha, năm 2020 khoảng 520-540 ha. Sản lượng lạc đến năm 2015 khoảng 740-750 tấn, năm 2020 khoảng 1.200-1.300 tấn.

Bảo vệ, chăm sóc và nghiên cứu phát triển các cây tiêu, quế và một số cây công nghiệp khác trên địa bàn.

- Cây thực phẩm: Chú trọng phát triển cây thực phẩm và các loại rau.

- Phát triển cây ăn quả như nhãn lồng, xoài và một số cây ăn quả khác trên địa bàn.

** Chăn nuôi*

Tiếp tục phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá nước ngọt bằng nhiều hình thức, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập cho nhân dân.

Phát triển hệ thống chuồng trại, đảm bảo trên 70% số hộ chăn nuôi có chuồng trại vào năm 2015 và 100% số hộ chăn nuôi có chuồng trại vào năm 2020.

Triển khai hệ thống thú y đến tất cả các thôn, khu dân cư ở tất cả các xã, đảm bảo mỗi xã có từ 2-4 cán bộ thú y, khuyến nông; ở mỗi thôn có 01 thú y cơ sở.

- Gia súc: Phát triển đàn trâu ổn định đến năm 2015 khoảng 20.000-20.500 con và ổn định ở mức 21.000-22.000 con đến 2020. Vùng phân bố chủ yếu ở các xã Ba Tô, Ba Vinh, Ba Trang, Ba Dinh, Ba Vi.

Phát triển đàn bò theo hướng sản xuất hàng hóa, chọn giống phù hợp có giá trị kinh tế cao, ưu tiên đầu tư tăng dần tỷ lệ sinh hoá đàn bò, phấn đấu đạt khoảng 70% vào năm 2015 và nâng lên khoảng 80% vào năm 2020. Tập trung phát triển đàn bò ở các xã Ba Xa, Ba Động, Ba Dinh, Ba Thành, nâng dần tỷ trọng đàn bò thịt chất lượng cao. Quy mô đàn bò khoảng 10-11 nghìn con vào năm 2015 và khoảng 12 nghìn con vào năm 2020.

Phát triển đàn heo theo quy mô hộ gia đình, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại. Phát triển đàn heo ở các xã Ba Vinh, Ba Ngạc, Ba Vi, Ba Dinh và thị trấn Ba Tơ; dự kiến đến năm 2015 tổng đàn heo khoảng 30.000 con, năm 2020 khoảng 35.000 con.

- Gia cầm: Phát triển chăn nuôi tại gia cầm tại các hộ gia đình. Chú trọng công tác phòng trừ dịch bệnh. Dự kiến đến năm 2020 tổng đàn gia cầm khoảng 120-140 ngàn con.

- Thủy sản: Mở rộng diện tích nuôi cá nước ngọt khi các công trình thủy lợi, thủy điện tích nước. Dự kiến diện tích nuôi cá nước ngọt năm 2015 là 180 ha và năm 2020 là 255 ha; đạt sản lượng nuôi trồng đến năm 2015 khoảng 185-190 tấn, năm 2020 khoảng 270 tấn. Xây dựng mô hình nuôi một số loài đặc sản như: Cá chình, rắn, ba ba, ếch... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

** Dịch vụ nông nghiệp*

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ sở nông thôn và nâng cao chất lượng các dịch vụ như thủy lợi, các trạm, trại khuyến nông, lâm, ngư nghiệp... Chú trọng công tác đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên trách nông nghiệp tại cơ sở để đảm bảo các yêu cầu công tác khuyến nông, khuyến lâm và các dịch vụ kỹ thuật khác, tạo nhiều mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi, kinh tế vườn, vườn rừng, kinh tế trang trại để làm đòn bẩy cho kinh tế hộ phát triển. Đẩy mạnh công tác khuyến nông trực tiếp đến nông hộ. Xây dựng các điểm cung ứng giống và vật tư nông nghiệp đến tận từng xã, thôn.

c) Lâm nghiệp

Bảo vệ, phát triển và khai thác tổng hợp nguồn tài nguyên rừng. Phát triển mạnh vốn rừng, ngăn chặn nạn phá rừng, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân trong huyện.

Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ, khoanh nuôi và phát triển rừng. Tuyên truyền phổ biến rộng rãi pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng đến cộng đồng dân cư bằng nhiều hình thức. Điều chỉnh diện tích rừng của các Lâm trường. Khoanh giao rõ các khu vực sản xuất nương rẫy, khu vực trồng rừng và tái sinh rừng để tạo điều kiện cho nhân dân vừa có đất sản xuất vừa bảo vệ được trạng thái tự nhiên của rừng.

Dự kiến diện tích khoanh nuôi bình quân 5.300-5.500 ha/năm; trồng rừng tập trung khoảng 3.500-3.600 ha/năm; trồng cây phân tán 500-600 nghìn cây/năm.

Đẩy nhanh công tác giao rừng, khoán rừng và chăm sóc rừng. Khai thác sản phẩm rừng trồng và tận thu lâm sản từ rừng tự nhiên đảm bảo theo kế hoạch và đúng quy định của pháp luật. Tăng cường các biện pháp hành chính; kiên quyết ngăn chặn và xử lý nghiêm nạn lâm tặc khai thác lâm đặc sản và động vật rừng trái phép. Dự kiến khai thác rừng trồng theo kế hoạch hàng năm khoảng 3.000 ha.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*a) Định hướng chung*

Phát triển công nghiệp - TTCN theo hướng phát huy thế mạnh, tiềm năng sẵn có của huyện, góp phần nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, cơ cấu lao động, tạo ra năng suất lao động cao, góp phần xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

Khuyến khích phát triển các loại hình công nghiệp vừa và nhỏ để phục vụ sản xuất và tiêu dùng tại chỗ như: gia công cơ khí, sửa chữa, chế biến nông lâm sản, chế biến thức ăn gia súc, khai thác vật liệu xây dựng...

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng theo GTSX đạt 30%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 26%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

b) Phát triển các phân ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Công nghiệp chế biến nông lâm sản: Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, sản xuất thức ăn gia súc. Thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến nông lâm sản sử dụng nguồn nguyên liệu trên địa bàn huyện (nhà máy ván dăm, các nhà máy chế biến nông lâm sản, thức ăn gia súc...).

- Công nghiệp khai thác: Phát triển khai thác vật liệu xây dựng gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Phát triển thủy điện: Hợp tác chặt chẽ, tạo điều kiện đầu tư các công trình thủy điện theo quy hoạch, để phát triển hệ thống điện lưới quốc gia và các ngành công nghiệp vệ tinh chung quanh nhà máy, làm tiền đề phát triển công nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, xây dựng nhà máy thủy điện Pò Ê, Đak Re. Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

- Cơ khí sửa chữa: Mở rộng mạng lưới cơ khí và các dịch vụ phục vụ nhu cầu sửa chữa và sản xuất công cụ cầm tay, sửa chữa máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến nông lâm sản, sửa chữa các phương tiện giao thông vận tải, máy xây dựng.

c) Phát triển các cụm, điểm công nghiệp, làng nghề

- Từng bước đầu tư và thu hút doanh nghiệp vào sản xuất ở cụm công nghiệp thị trấn Ba Tơ và cụm công nghiệp thị tứ Ba Động. Xây dựng các điểm công nghiệp ở các xã, các trung tâm cụm xã.

- Ưu tiên thu hút đầu tư, kêu gọi đối tác để phát triển các ngành công nghiệp - TTCN gắn với làng nghề, như gia công chế tác song mây, hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu... Tiếp tục duy trì và phát triển nghề dệt thổ cẩm.

- Nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng khu công nghiệp của tỉnh trên địa bàn huyện trong giai đoạn sau năm 2015.

3. Dịch vụ

a) Định hướng chung

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành thương mại, dịch vụ, du lịch trên cơ sở phát huy và khai thác triệt để tiềm năng, thế mạnh của huyện, trở thành đòn bẩy thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất, đáp ứng tốt các nhu cầu đời sống xã hội, góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành theo GTSX đạt 26,1%/năm thời kỳ 2011-2015 và 25,7%/năm thời kỳ 2016-2020.

Dự kiến tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hàng năm thời kỳ 2011-2015 khoảng 20-21% và thời kỳ 2016-2020 khoảng 19-20%.

b) Thương mại

Đầu tư nâng cấp chợ thị trấn Ba Tơ thành trung tâm thương mại làm đầu mối giao lưu hàng hóa đa dạng đáp ứng yêu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ, mua gom nông sản tại các xã, thôn, để giúp nhân dân vừa tiêu thụ được sản phẩm vừa mua hàng hoá tiêu dùng được thuận lợi nhất. Tiếp tục thực hiện các chính sách trợ cước trợ giá đối với các mặt hàng chính sách theo quy định của Chính phủ.

Phát triển hệ thống chợ, đặc biệt là chợ ở trung tâm huyện, các chợ ở trung tâm xã, cụm xã. Tăng cường công tác tổ chức, quản lý và khai thác chợ. Trong giai đoạn đến năm 2015 phát triển hệ thống chợ kết hợp với các loại hình thương mại khác trên địa bàn. Tạo điều kiện, thu hút đầu tư xây dựng 1 siêu thị hạng II-III tại thị trấn Ba Tơ, xây mới 1 chợ loại II tại thị trấn Ba Tơ, 1 chợ loại III ở xã Ba Vinh. Nâng cấp mở rộng chợ xã Ba Động, chợ xã Ba Vi. Trong giai đoạn 2016 đến năm 2020: Xây mới 1 chợ loại II tại xã Ba Bích, 2 chợ loại III tại xã Ba Trang và xã Ba Liên. Duy tu, bảo

dưỡng các chợ còn lại.

Đầu tư mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu.

c) Du lịch

- Tập trung khai thác, phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử. Tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiên quyết giữ vững, bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên. Lựa chọn, quy hoạch từ 04 đến 06 điểm du lịch, kêu gọi hợp tác đầu tư xây dựng những công trình hạ tầng thiết yếu như nhà hàng, khách sạn, các điểm vui chơi nghỉ mát đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm thu hút khách vắng lại.

Phát triển du lịch thăm quan làng nghề truyền thống như làng nghề dệt thổ cẩm của người Hré tại làng Tăng (xã Ba Thành); văn hóa công chiêng và nhà sàn người Hré.

Khai thác lợi thế của các điểm du lịch về cảnh quan thiên nhiên như hồ chứa nước Tôn Dung (thị trấn Ba Tơ); hồ Suối Loa (xã Ba Thành); hồ chứa nước Núi Ngang (xã Ba Liên); thác suối Lê Trinh (xã Ba Chùa); thác suối Lũng Ô (xã Ba Thành); thác suối Cao Muôn (xã Ba Vinh); thác suối Pờ Ê (xã Ba Tiêu); đèo Vi Ô Lắc.

- Hình thành các tuyến du lịch: Phát triển các cơ sở dịch vụ du lịch trong tuyến du lịch chung của tỉnh. Chú trọng du lịch sinh thái, du lịch tham quan di tích lịch sử gắn với các tuyến du lịch Thành phố Quảng Ngãi - Mộ Đức - Ba Tơ - Minh Long - Nghĩa Hành (tuyến du lịch tham quan các di tích lịch sử cách mạng và du lịch sinh thái với các điểm tham quan dọc quốc lộ 1A, 24 và tỉnh lộ 627).

d) Các loại hình dịch vụ khác

Phát triển các dịch vụ công cộng và dịch vụ sản xuất như tài chính; tín dụng; bưu điện; vận tải; sửa chữa ô tô, xe máy, điện - điện tử, dịch vụ ăn uống...

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Dân số, việc làm

- Dân số

Phấn đấu giảm tỷ suất sinh tự nhiên bình quân khoảng 0,3-0,4%/năm. Dự kiến dân số của huyện đến năm 2015 khoảng 54,4 nghìn người và năm 2020 khoảng 57,2 nghìn người.

- Lao động

Chuyển dịch cơ cấu sử dụng lao động của huyện theo hướng giảm lao động nông nghiệp, thu hút lao động vào các lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Dự kiến tỷ lệ lao động trong nông lâm nghiệp còn dưới 60% lao động xã hội đến năm 2015 và còn khoảng 50% đến năm 2020.

Đặc biệt quan tâm và tạo điều kiện để đưa người của địa phương đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài và tìm việc làm ở ngoài tỉnh, ngoài huyện.

b) Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục xây dựng trường chuẩn quốc gia, duy trì công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS.

- Mầm non: Phần đầu đến năm 2015 có 94,5%, đến năm 2020 có gần 98% trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp mẫu giáo. Xây dựng thêm một số trường mẫu giáo, khuyến khích mở trường dân lập mầm non, tích cực xoá xã trắng về giáo dục mầm non. Dự kiến đến năm 2015- 2020 có 20 trường mầm non.

- Tiểu học: Phần đầu đến năm 2015 có 98,5%, đến năm 2020 có 100% trẻ 6-10 tuổi đi học tiểu học. Tổ chức dạy ngày 2 buổi ở nơi có điều kiện. Dự kiến đến năm 2015 có 22 trường tiểu học, đến năm 2020 có 24 trường tiểu học.

- Trung học cơ sở: Phần đầu đến năm 2015 trên 90%, đến năm 2020 có 93,5% thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở. Dự kiến đến năm 2015 có 20 trường THCS, 01 trường THCS và THPT DTNT.

- Trung học phổ thông: Dự kiến đến năm 2015- 2020 có 3 trường THPT.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy và học ở Trung tâm giáo dục thường xuyên. Đẩy mạnh phong trào xây dựng xã hội học tập. Dự kiến đến năm 2015 có 19/19 xã có trung tâm học tập cộng đồng.

Xây dựng Trung tâm dạy nghề tổng hợp huyện trong giai đoạn 2011-2015.

c) Y tế

Không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Phần đầu giảm tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ chết do bệnh tật, mọi người dân đều được tiếp cận và hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng và hiệu quả.

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm y tế dự phòng huyện. Nâng cấp Phân xá khu Tây và Phân xá khu Bắc; tiếp tục củng cố, tăng cường thêm trang bị cơ sở vật chất cho các trạm y tế cơ sở, đẩy mạnh công tác xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã.

Nâng cao năng lực khám và điều trị bệnh ở các tuyến, đặc biệt là tuyến xã. Phần đầu trong giai đoạn đến năm 2015 đảm bảo 100% xã có bác sỹ. Nâng cao trình độ chuyên môn cũng như y đức của đội ngũ y, bác sỹ.

Kiểm soát triệt để, chữa trị dứt điểm các bệnh sốt rét, lao; giảm bệnh bươu cổ tại tuyến huyện. Tích cực đề phòng và ngăn ngừa dịch bệnh lan truyền diện rộng trong cộng đồng, nhất là về mùa hè. Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiên quyết không để xảy ra ngộ độc thức ăn gây chết người.

d) Văn hóa, thể dục thể thao

- Văn hoá

Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Phần đầu đến năm 2015 đạt gia đình văn hóa: 85%; thôn, tổ dân phố văn hóa: 80%; cơ quan văn hóa: 90%; đến

năm 2020 đạt gia đình văn hóa: 90%; thôn văn hóa: 85%, cơ quan văn hóa: 95%.

Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, trước nhất là xây dựng làng nghề truyền thống. Phát huy hiệu quả hình thức hoạt động của đội thông tin lưu động, nhất là việc tổ chức giao lưu văn hoá giữa các vùng. Phát động phong trào sưu tầm và khôi phục các giá trị văn hoá cổ truyền, nghiên cứu dàn dựng những chương trình mới có tính kế thừa truyền thống và bản sắc dân tộc để quảng bá du lịch. Nâng cấp Nhà lưu niệm Cụ Trần Toại.

Đầu tư xây dựng Trung tâm văn hoá huyện, thư viện huyện, nâng cấp nhà truyền thống... Xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa cơ sở.

- Thể dục thể thao

Tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Phần đầu đến năm 2015 có 25-27%, năm 2020 có 30-35% dân số trong huyện tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng đi đôi với việc đào tạo bồi dưỡng, tuyển chọn những tài năng thể thao của huyện.

Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe. Xây dựng Nhà thi đấu thể thao huyện (bao gồm cả bể bơi, sân quần vợt...). Phần đầu đến năm 2020 có 20/20 xã, thị trấn có sân vận động, điểm vui chơi.

5. Các vấn đề xã hội

a) Chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững

Phối hợp lồng ghép các chương trình, các dự án đầu tư cho chương trình giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội như Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo. Tập trung chủ yếu vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho sản xuất và đời sống; phát triển sản xuất, bảo đảm nhu cầu lương thực; phát triển giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, phát triển y tế nâng cao sức khỏe cộng đồng. Đồng thời quan tâm đối với việc cho vay vốn phát triển sản xuất, cung cấp dịch vụ và chuyển giao công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm, nâng cao năng lực cho người lao động, nhất là đồng bào thiểu số.

b) Các vấn đề xã hội khác

- Thực hiện tốt chính sách ưu đãi theo pháp lệnh người có công với nước và các chính sách xã hội, chăm sóc các đối tượng, các gia đình chính sách, phát động toàn dân tham gia quỹ đóng góp đền ơn đáp nghĩa, phát động phong trào toàn dân tham gia chăm sóc thương, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tạo điều kiện để các gia đình chính sách có nhà ở ổn định và mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình của khu dân cư nơi cư trú.

- Tranh thủ các nguồn vốn trong và ngoài nước, vận động nhân dân tham gia xây dựng quỹ nhân đạo, quỹ tình thương đề cùng với Ngân sách Nhà nước trợ giúp cho người neo đơn, tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi, những người nhiễm chất độc hóa học trong chiến tranh, những đối tượng chịu hậu quả của thiên tai. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội. Phòng chống có hiệu quả các tệ

nạn xã hội.

6. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng

a) *Giao thông vận tải*

- Phối hợp với tỉnh và Trung ương giải phóng mặt bằng và tạo điều kiện nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24 đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi.

- Phối hợp với tỉnh nâng cấp tỉnh lộ 626 và tỉnh lộ 625 đoạn qua huyện.

- Xây dựng, nâng cấp đường giao thông từ tỉnh đến huyện, từ trung tâm huyện đến xã, đường liên xã, đường trung tâm cụm xã, các cầu:

+ Nâng cấp các tuyến: Ba Thành - Hành Tín Đông, Ba Bích - Ba Nam, TT Ba Tơ - Ba Trang - Phổ Ninh, TT Ba Tơ - Nước Ang (Ba Bích), Ngã 3 Eo chim - UBND xã Ba Điền, Thị trấn Ba Tơ - Ba Chùa,.

+ Đường Trung tâm cụm xã: Trung tâm cụm xã (TTCX) Ba Vi, TTCX Ba Vinh, TTCX Ba Trang.

+ Mở mới các tuyến và xây dựng cầu bê tông cốt thép (như trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư kèm theo).

- Phát triển và nâng cấp các tuyến đường liên xã, liên thôn. Phần đầu đến năm 2015 tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã và thông suốt 4 mùa đạt 90%; đến năm 2020 bảo đảm giao thông thông suốt 4 mùa tới tất cả các xã. Đến năm 2015 tỷ lệ thôn có đường ô tô được kiên cố đạt 40%, đến năm 2020 đạt 80-90%.

- Chú trọng công tác duy tu bảo dưỡng hàng năm các tuyến đường qua địa bàn huyện.

- Cải tạo, nâng cấp bến xe Ba Tơ. Xây dựng các điểm đón trả khách tại các Trung tâm cụm xã Ba Bích, Ba Vinh, Ba Trang.

b) *Thủy lợi, cấp nước, thoát nước*

Quản lý và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi hiện có. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi trọng điểm; các hồ chứa nước nhỏ kết hợp thủy điện. Triển khai thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp. Có biện pháp chống hạn, phòng chống lụt bão, hạn chế xói lở các dòng suối, dòng sông.

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi quy mô cấp huyện, liên xã và cấp xã (như trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư kèm theo).

- Phần đầu đến năm 2015 diện tích được tưới bằng các công trình kiên cố chiếm tỷ lệ 70% và năm 2020 chiếm tỷ lệ là 90-95%. Mở rộng diện tích tưới cho cây rau màu, cây công nghiệp.

- Hoàn thành công trình cấp nước kiên cố phục vụ cho thị trấn và các trung tâm cụm xã, các khu vực đông dân cư; chú trọng công tác cấp nước sạch cho khu vực miền núi, các địa bàn khác dùng nước từ các hệ thống tự chảy, giếng nước hoặc nước mạch đảm bảo hợp vệ sinh.

c) Cấp điện

Tiếp tục mở rộng mạng lưới điện hiện có, nâng cấp lưới điện thị trấn, chú trọng phát triển cho các thôn xóm hiện nay chưa có điện lưới. Những nơi không có điều kiện kéo điện lưới quốc gia thì đầu tư xây dựng thủy điện nhỏ để đến năm 2015 có trên 98%; đến năm 2020 có 100% số hộ được sử dụng điện. Tập trung xây dựng các công trình điện phục vụ sản xuất và dân sinh tại các thôn chưa có điện.

*d) Thông tin và truyền thông***Bưu chính*

Nâng cao chất lượng hoạt động các điểm Bưu điện văn hoá xã; phấn đấu có báo Đảng đến trong ngày và duy trì dịch vụ trên. Phát triển thêm các dịch vụ bưu chính mới.

Từng bước áp dụng quy trình khai thác dịch vụ, công nghệ và trang bị thiết bị hiện đại, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong khai thác, lưu giữ, trao đổi thông tin giữa các bưu cục và điểm phục vụ.

** Viễn thông - Công nghệ thông tin*

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, hình thành mạng lưới có chất lượng dịch vụ cao, cung cấp đa dịch vụ và hoạt động có hiệu quả. Mở rộng các tuyến cáp quang kết nối tất cả các xã/thị trấn trước năm 2015. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thu phát sóng dùng chung.

Mở rộng phạm vi phủ sóng đến từng xã, phổ cập dịch vụ điện thoại và Internet dưới hình thức trợ giá và truy nhập Internet theo các chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí. Trước mắt, xây dựng các trạm phát sóng BTS phục vụ cho liên lạc của các xã vùng cao, đến năm 2012 hoàn thành việc phủ sóng viễn thông đến tất cả các xã trong huyện.

Đến năm 2015 đạt 30-40 máy điện thoại/100 dân (bao gồm cả cố định và di động), đến năm 2020 đạt 50-60 máy/100 dân (bao gồm cả cố định và di động).

** Phát thanh truyền hình*

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình. Nâng cao chất lượng và thời lượng của chương trình phát thanh và phát lại truyền hình huyện, trạm thu phát lại truyền hình trung tâm cụm xã, trạm chuyển tiếp phát thanh xã.

Phấn đấu đến năm 2015, phủ sóng truyền hình mặt đất tới 100% dân cư, đảm bảo hầu hết các hộ dân có thể thu, xem được các chương trình truyền hình quảng bá. Từng bước triển khai lộ trình số hóa mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất phù hợp với điều kiện thực tế và thiết bị thu truyền hình số của người dân trên từng địa bàn cụ thể.

7. Định hướng bảo vệ môi trường

- Sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường bền vững và phòng chống giảm

nhẹ thiệt hại của thiên tai

- Xây dựng, mở rộng các khu xử lý và chôn lấp rác thải:

+ Giai đoạn 2011-2015: Mở rộng và nâng cấp khu xử lý và chôn lấp rác thải của huyện ở thị trấn Ba Tư và xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn thị trấn. Xây dựng bãi chôn lấp rác thải thuộc Trung tâm Cụm xã Ba Vi, xã Ba Thành, xã Ba Cung, xã Ba Đình, xã Ba Vinh, xã Ba Bích.

+ Giai đoạn 2016-2020: Xây dựng bãi chôn lấp rác thải thuộc xã Ba Trang, xã Ba Chùa.

- Tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường. Mua sắm phương tiện vận tải thu gom rác thải và các trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường và xử lý môi trường. Xử lý chất thải từ các nhà máy của các cụm, điểm công nghiệp.

8. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh

Phát triển kinh tế - xã hội phải đi đôi với củng cố, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển ổn định.

Tiếp tục giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng trong toàn dân. Tăng cường củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng khu vực phòng thủ "cơ bản, liên hoàn, vững chắc". Tiến hành khảo sát, quy hoạch lập thiết kế dự toán xây dựng một số hạng mục công trình phòng thủ.

Đấu tranh phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác điều tra, phá án; phân đấu đưa tỉ lệ điều tra, phá án năm sau cao hơn năm trước, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội có yếu tố phức tạp trên địa bàn huyện.

Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở xã, thị trấn vững mạnh toàn diện và vững mạnh về quốc phòng an ninh. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đủ số lượng với chất lượng chính trị và độ tin cậy ngày càng cao với phương châm vững mạnh, rộng khắp. Thường xuyên xây dựng và quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên và thực hiện tốt công tác gọi công dân nhập ngũ hàng năm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO LÃNH THỔ

1. Định hướng sử dụng đất: Nâng cao hiệu quả việc khai thác, sử dụng quỹ đất theo hướng:

- Phát triển nông nghiệp theo quan điểm hàng hóa, đẩy mạnh thâm canh, tránh thoái hóa đất, phù hợp với cơ chế thị trường, tăng giá trị làm ra trên 1 ha canh tác; đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính; xây dựng các vùng chuyên canh.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, giáo dục, văn hóa thể thao và phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch...

- Tổ chức không gian, xây dựng kết cấu hạ tầng phải đảm bảo gắn kết các trung

tâm phát triển kinh tế của huyện với các vùng xung quanh. Kết hợp chặt chẽ quá trình cải tạo các điểm dân cư cũ với việc mở rộng các điểm dân cư mới, đảm bảo kế thừa có chọn lọc các giá trị truyền thống, bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Phát triển các khu dân cư mới theo hướng mở rộng đô thị, hình thành các thị tứ theo quy hoạch, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các công trình công cộng.

- Tiến hành lập quy hoạch bố trí tái định cư và thành lập khu dân cư mới phù hợp hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện. Đẩy nhanh tiến độ giao đất giao rừng. Kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm những vi phạm trong khai thác khoáng sản, khai thác rừng trên địa bàn.

2. Phát triển đô thị và lãnh thổ động lực

a) Phát triển đô thị

Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, gắn đô thị hóa với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tập trung đầu tư xây dựng và phát triển thị trấn Ba Tơ theo quy hoạch. Tiếp tục đầu tư và xây dựng thị trấn trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện và trở thành một trong các trung tâm phát triển trên hành lang kinh tế QL 24 và của khu vực miền núi của tỉnh. Nâng cấp thị trấn Ba Tơ đạt các tiêu chí của đô thị loại V trong giai đoạn đến năm 2015 và cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2020.

Phát triển thị tứ Ba Vi là trung tâm khu vực phía Tây, thị tứ Ba Động là trung tâm khu vực phía Đông Bắc của huyện và các trung tâm cụm xã Ba Vinh, Ba Trang, Ba Tô, Ba Bích. Xây dựng Ba Vi đến năm 2020 đạt các tiêu chí của đô thị loại V.

b) Phát triển lãnh thổ động lực

Trong giai đoạn trước mắt tập trung phát triển lãnh thổ động lực dọc theo tuyến hành lang kinh tế - kỹ thuật QL 24, bao gồm thị trấn Ba Tơ và dải hành lang kết nối với trục động lực Thạch Trụ - Sa Huỳnh của tỉnh Quảng Ngãi và kết nối với huyện Kon Plông của Kon Tum. Trong giai đoạn tiếp theo tiếp tục phát triển các lãnh thổ động lực gắn với hành lang kinh tế TL 625 và TL 626.

3. Phát triển nông thôn và khu vực các xã miền núi khó khăn

a) Phát triển nông thôn

- Đầu tư nâng cấp mạng lưới kết cấu hạ tầng
- Hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh
- Phát triển nguồn nhân lực, văn hoá và xây dựng nông thôn mới

b) Phát triển khu vực các xã miền núi khó khăn

- Lồng ghép, thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn như Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững (Chương trình 30A), Chương trình 135,

Chương trình 134, Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm...

- Tiếp tục thực hiện chương trình định canh định cư, phấn đấu đến năm 2015 có 70% số điểm định canh định cư tập trung có đủ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất. Đến năm 2020, có 100% số hộ dân tộc thiểu số được định canh định cư ổn định theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác khuyến lâm, khuyến nông, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ. Tiếp tục khai hoang gắn với việc cải tạo đất, mở rộng diện tích đất để phát triển rừng kinh tế, nhất là rừng nguyên liệu, phát triển chăn nuôi.

- Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư vào khu vực miền núi để khai thác tài nguyên, kết hợp giải quyết việc làm cho nhân dân.

- Có chính sách phát triển nguồn nhân lực đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các chương trình phát triển

- Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị
- Chương trình phát triển công nghiệp - TTCN
- Chương trình phát triển dịch vụ
- Chương trình phát triển nông, lâm nghiệp
- Chương trình phát triển nguồn nhân lực, các lĩnh vực văn hóa - xã hội

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

(Chi tiết có phụ lục danh mục dự án kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhóm giải pháp huy động vốn đầu tư

Để thực hiện các mục tiêu phát triển đã đề ra, dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư (tính theo giá hiện hành) thời kỳ 2011-2015 khoảng 2.200-2.300 tỷ đồng, thời kỳ 2016-2020 khoảng 4.600-4.700 tỷ đồng. Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư, cần có hệ thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, tập trung vào các nguồn vốn chủ yếu sau đây:

- *Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước*

Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ Trung ương và tỉnh thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ đối với vùng nghèo như: Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững (Chương trình 30A), Chương trình 135, Chương trình 134, Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm,...

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu hút các dự án lớn vào địa bàn huyện (các dự án thủy điện, chế biến nông lâm sản) để tạo nguồn thu cho ngân sách huyện và tỉnh. Thực hiện thu - chi ngân sách hợp lý, thực hành tiết kiệm để tăng tích lũy, tạo

thêm nguồn đầu tư chủ động của huyện.

Đầu tư các công trình phục vụ sản xuất và dân sinh có trọng điểm. Thường xuyên thực hiện công tác quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước và giám sát nhân dân thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội.

- Huy động từ các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân trong và ngoài nước

Huy động sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ vào các mục tiêu hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện. Huy động sự đóng góp của nhân dân vào xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo phương thức "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

- Kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước vào địa bàn huyện

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án từ tỉnh ngoài, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Kêu gọi đầu tư vào các dự án chế biến nông lâm sản, thủy điện, du lịch... trên địa bàn huyện.

Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển công nghiệp nhỏ và vừa, các làng nghề; các cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu, nhất là những sản phẩm dùng nguyên liệu sẵn có ở địa phương.

2. Cơ chế, chính sách

Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội huyện theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo trên địa bàn huyện Ba Tơ, Quyết định số 24/2008/QĐ-TTg ngày 5/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ và các cơ chế, chính sách khác.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung nâng cao dân trí cho cộng đồng dân cư thông qua các chương trình phổ cập. Đẩy mạnh đào tạo kỹ thuật; kiến thức cơ bản cho lực lượng lao động phổ thông theo hình thức vừa học vừa làm ở tại trung tâm đào tạo nghề tổng hợp của huyện và liên doanh gửi đi đào tạo các trường dạy nghề của tỉnh.

- Tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng văn hoá và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhất là lực lượng cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

- Khuyến khích nhân rộng các mô hình sản xuất, các điển hình tiên tiến về nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội cao.

- Tạo mọi điều kiện để thu hút, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và phát huy phương tiện, cơ sở vật chất hiện có trên địa bàn huyện.

- Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cho nhân dân, đặc biệt các thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUI HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của huyện Ba Tơ đến năm 2020 cho các cấp uỷ Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện;

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các chương trình, dự án ưu tiên cho các nhà đầu tư.

2. Xây dựng chương trình hành động

- Sau khi quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch, UBND huyện Ba Tơ xây dựng chương trình hành động để thực hiện Quy hoạch.

- Cụ thể hoá các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. UBND huyện Ba Tơ căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch, phối hợp với các Sở, ngành liên quan của tỉnh chỉ đạo xây dựng, trình duyệt và triển khai thực hiện theo các nội dung sau:

- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển tổng thể, đồng bộ và bền vững.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Các sở, ngành liên quan của tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn và hỗ trợ UBND huyện Ba Tơ nghiên cứu lập các quy hoạch chi tiết nêu tại Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án theo lĩnh vực ngành có tác động quan trọng đối với sự phát triển của huyện theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên kết nêu trong quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ, Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Thích

Phụ lục

**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 01/7/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	Tên dự án
A	CÁC DỰ ÁN DO BỘ NGÀNH ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
1	Dự án nâng cấp Quốc lộ 24 (Quảng Ngãi - Kon Tum)
B	CÁC DỰ ÁN DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
I	Dự án đầu tư từ nguồn vốn Trung ương và ngân sách tỉnh
1	Dự án xây dựng khu dân cư bị ảnh hưởng bão lũ, sạt lở theo tiêu chí nông thôn mới
II	Dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh
1	Hạ tầng chợ huyện (chợ TT Ba Tơ)
2	Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 625, 626
C	CÁC DỰ ÁN DO HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
I	Nguồn vốn Trung ương và ngân sách tỉnh
1	Quy hoạch và xây dựng hạ tầng cho thị trấn, các thị tứ và trung tâm cụm xã
2	Xây dựng mới các tuyến đường liên xã
3	Nhà văn hóa dân tộc huyện
4	Các Bờ kè chống sạt lở khu dân cư, hạ tầng thiết yếu
5	Nghĩa trang liệt sỹ huyện
6	Cải tạo, nâng cấp bến xe Ba Tơ
7	Xây dựng mới các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện
8	Xây dựng mới và nâng cấp khu xử lý và chôn lấp rác thải và khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện
9	Xây dựng hạ tầng các CCN, các làng nghề trên địa bàn huyện
10	Xây dựng trung tâm thương mại tại thị trấn Ba Tơ
11	Xây dựng Trường Dân tộc nội trú, trường học ở các bậc đạt chuẩn
12	Xây dựng Phân xá khu Tây và Phân xá khu Bắc, Trung tâm y tế dự phòng
13	Xây dựng mạng lưới điện đến các thôn chưa có điện
II	Nguồn vốn ngân sách huyện
1	Nâng cấp các tuyến từ trung tâm huyện đến xã, đường liên xã, TT cụm xã
2	Xây dựng mới hệ thống cầu bê tông cốt thép
3	Nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện

4	Xây dựng các trạm cấp nước tập trung, nâng cấp các công trình nước SH.
5	Xây dựng mới và nâng cấp chợ các trung tâm cụm xã
6	Dự án xây dựng các mô hình khuyến nông, khuyến ngư.
7	Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
8	Xây dựng trường chuẩn ở các bậc học
9	Trung tâm học tập cộng đồng
10	Xây dựng trạm y tế các xã đạt chuẩn quốc gia
11	Nhà thi đấu thể thao huyện
12	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các đài truyền thanh các xã và Đài Truyền thanh xã - Phát lại truyền hình huyện
13	Xây dựng mới, nâng cấp Nhà văn hoá xã, thôn
14	Xây dựng, cải tạo các điểm thể dục - thể thao tại các xã, thị trấn
15	Khôi phục phát triển loại hình văn hoá phi vật thể, lễ hội truyền thống.
D	CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ
1	Xây dựng nhà máy thủy điện Pờ Ê công suất 15 MW
2	Xây dựng nhà máy thủy điện Đak Re công suất 48 MW
3	Xây dựng nhà máy ván sợi MDF
4	Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp thị trấn Ba Tơ
5	Xây dựng các điểm bán xăng dầu
6	Xây dựng các điểm du lịch văn hoá - lịch sử, sinh thái
7	Xây dựng nhà máy ván dăm./.